

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TTYT KV GÒ CÔNG TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTYTGCT-KHTH

Vĩnh Bình, ngày tháng 7 năm 2025

V/v cập nhật, bổ sung đăng ký
danh sách người hành nghề lên
cổng thông tin điện tử Sở Y tế kể
từ ngày 10/7/2025.

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh chữa bệnh;

Trung tâm Y tế khu vực Gò Công Tây (TTYT) kính gửi Sở Y tế danh sách cập nhật, bổ sung đăng ký người hành nghề khám bệnh chữa bệnh kể từ ngày 10/7/2025 theo mẫu 01_Phụ lục II Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, trình Sở Y tế cập nhật và đăng tải thông tin người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của TTYT lên cổng thông tin điện tử.

(Đính kèm: Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kể từ ngày 10/7/2025)./.

Nơi nhận:

- SYT(VP);
- Lưu: TCHC, KHTH.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TTYT KV GÒ CÔNG TÂY

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
KỂ TỪ NGÀY 10/7/2025**

(Kèm theo Công văn số /TTYTGCT-KHTH ngày tháng 7 năm 2025 của TTYT khu vực Gò Công Tây)

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm Y tế khu vực Gò Công Tây
2. Địa chỉ: Số 09A, Nguyễn Văn Côn, KP 2, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: từ 00giờ00 đến 23giờ59 trong ngày; 7 ngày/tuần.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Lợi	000192/TG-CCHN;1773/QĐ-SYT;1719/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Giám đốc; Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật; KBCB CK Nội tổng hợp, Đa khoa, YHGĐ; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Điện tâm đồ.		
2	Phạm Văn Quang	000394/TG-GPHN;542/Q	- Y khoa - Khám bệnh, chữa bệnh	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKII; Phó giám đốc; KBCB đa khoa,		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
		Đ-SYT;1671/QĐ-SYT	chuyên khoa Ngoại; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học gia đình; - Siêu âm tổng quát.		CK Ngoại, YHGD; Thực hiện Siêu âm tổng quát.		
3	Nguyễn Hồng Châu	1740/TG-CCHND	Doanh nghiệp bảo quản thuốc; Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Nhà thuốc.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCKI, Phó Giám đốc; Phụ trách khoa Dược.		
4	Nguyễn Văn Mừng	000337/TG-CCHN;548/QĐ-SYT;1665/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhiễm; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa YHGD; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Siêu âm tổng quát; Siêu âm tim, bệnh lý tim mạch.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS chính; Trưởng Phòng kế hoạch tổng hợp; Phụ trách Phòng kế hoạch tổng hợp; Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội tổng hợp, CK Nhiễm, YHGD; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Thực hiện Siêu âm tổng quát, Siêu âm tim và bệnh lý tim mạch.		
5	Nguyễn Trung Tín	005093/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD,	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐDD; Quản lý Điều dưỡng; Nhân viên phòng KHTH; ĐD chuyên ngành cấp cứu nhi; Thực hiện ĐD Nội soi tiêu hóa.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			HS, KTY; Điều dưỡng Nội soi tiêu hóa.				
6	Nguyễn Đăng Phú	005626/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Trưởng Khoa Kiểm soát bệnh tật, KBCB đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
7	Nguyễn Vũ Trường Giang	005490/TG-CCHN	- Khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu cộng đồng; - Siêu âm tổng quát; siêu âm tim-mạch máu - Thực hành lâm sàng CK Laser y học.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ThS Bác sĩ; Nhân viên khoa Kiểm soát bệnh tật; Thực hiện Siêu âm tổng quát, Siêu âm tim-mạch máu, Thực hành lâm sàng CK Laser y học.		
8	Trần Võ Hàn Nguyên	005293/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Kỹ thuật bó bột cơ bản; - Chụp phim Xquang; - Phụ tá RHM.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ; Nhân viên khoa Kiểm soát bệnh tật; Thực hiện Bó bột, Chụp phim Xquang, Phụ tá Răng hàm mặt.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Hồng Phụng	000683/TG-CCHN;1793/QĐ-SYT;1350/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Nội soi mũi xoang chẩn đoán; Phẫu thuật nội soi mũi xoang; Đo thính lực - Nhĩ lượng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Phó trưởng khoa Khám bệnh; KBCB CK Nội tổng hợp, Đa khoa, CK Tai mũi họng; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Thực hiện Nội soi mũi xoang chẩn đoán, Phẫu thuật Nội soi mũi xoang, Quy trình đo và phân tích kết quả thính lực - Nhĩ lượng- phân xạ cơ bàn đạp - OAE.		
10	Huỳnh Thị Út	000415/TG-GPHN;1660/QĐ-SYT	- Đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; - Định hướng chuyên khoa Tai mũi họng; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Nhân viên khoa Khám bệnh; KBCB đa khoa, CK Nhi, định hướng CK Tai mũi họng, CK YHGD.		
11	Phạm Ngọc Hồng Yên	006324/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Chuyên khoa da liễu cơ bản. - Kiến thức và kỹ năng cơ	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa Khám bệnh; KBCB đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			bản về chuyên khoa mắt. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.				
12	Nguyễn Thị Thùy An	003974/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ, Nhân viên Khoa Khám bệnh; KBCB đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
13	Châu Thị Diệp Trinh	000732/TG-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa Khám bệnh; KBCB đa khoa.		
14	Nguyễn Phi Thoàng	004882/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt.	0700-1700 T3T5	Bác sĩ, nhân viên TTYT huyện Tân Phú Đông tăng cường; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.		
15	Lê Thị Thanh Tuyền	003688/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Chứng chỉ YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD, ĐD trưởng khoa Khám bệnh; Chứng chỉ YHGD.		
16	Trần Huyền Thảo	003781/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-	0700-1700 T2T3T4T5T6	Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh;		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.		Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh.		
17	Nguyễn Phương Thanh	004755/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Kiến thức cơ bản về chuyên khoa mắt.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh.		
18	Lê Thị Kim Loan	0003681/TG-CCHN	- Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh.		
19	Trần Thị Hạnh	0003677/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh.		
20	Nguyễn Thị Mộng Thu	0001979/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.				
21	Võ Thị Mỹ Liên	003680/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD; Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh.		
22	Trần Thị Dung	001004/TG-CCHN; 1752/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa; - Siêu âm bụng tổng quát; - Điện tâm đồ; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Trưởng Khoa HSCC; Phụ trách khoa HSCC; KBCB chuyên khoa Nội tổng hợp, Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình, Đa khoa, Nhi khoa; Thực hiện Thận nhân tạo, Siêu âm bụng tổng quát, Điện tâm đồ.		
23	Lê Trần Phi Bảo	004806/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao	0700-1700 T2T3T4T5T6	ThS BS; Phó trưởng khoa HSCC; KBCB đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
24	Nguyễn Hoàng Vũ	003794/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa HSCC; KBCB đa khoa;		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			- Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Siêu âm tổng quát; - Điện tâm đồ.		Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Thực hiện Siêu âm tổng quát.		
25	Trần Hoàng Duy	004808/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi; - Thận nhân tạo; - Nội soi tiêu hóa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa HSCC; KBCB CK Nội -Nhi; Thực hiện Thận nhân tạo; Hệ thống xử lý nước trong lọc máu và các trị liệu liên quan sử dụng công nghệ Reverse Osmosis RO; Kỹ thuật đặt nội khí quản;Nội soi tiêu hóa.		
26	Phạm Minh Mẫn	006248/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Cấp cứu cơ bản; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa HSCC; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao;		
27	Lê Ngọc Hải Dương	000285/TG-GPHN	- Y khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Cấp cứu cơ bản, - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa HSCC; KBCB đa khoa;Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
28	Nguyễn Nhật Khang	001069/TG-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa HSCC; KBCB đa khoa.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
29	Lê Thị Mai Thi	001081/TG-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa HSCC; KBCB đa khoa.		
30	Dương Nhật Nam	002261/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD; Điều dưỡng trưởng khoa HSCC; Thực hiện Thận nhân tạo.		
31	Võ Thị Tuyết Trinh	003685/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC; Thực hiện Thận nhân tạo.		
32	Võ Thị Kim Sang	003683/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Nội soi tiêu hóa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC; Thực hiện ĐD Nội soi tiêu hóa.		
33	Trần Thị Bảo Châu	000575/TG-GPHN	Điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		
34	Nguyễn Thị Hồng Châu	003595/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.				
35	Lê Kim Hòa	003679/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD; Điều dưỡng viên khoa HSCC; Thực hiện Thận nhân tạo.		
36	Nguyễn Thị Trúc Linh	005081/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		
37	Lê Lam Phương	0002280/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng- Xét nghiệm cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
38	Trần Ngọc Thi	0002285/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng - Bó bột.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Điều dưỡng viên khoa HSCC; Thực hiện Kỹ thuật bó bột.		
39	Trần Thanh Tùng	004379/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Điều dưỡng viên khoa HSCC; Thực hiện Thận nhân tạo.		
40	Võ Thị Bảo Châu	0003522/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		
41	Lưu Ngọc Hùng	006645/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Nội soi tiêu hóa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
42	Huỳnh Thị Kim Trang	004714/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		
43	Nguyễn Thái Hồ	006244/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		
44	Võ Thị Huỳnh Lê	000587/TG-GPHN	Điều dưỡng	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐDD; Điều dưỡng viên khoa HSCC.		
45	Huỳnh Ngọc Vinh	000046/TG-CCHN;1813/QĐ-SYT;1672/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học gia đình; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ CKI; Người chịu trách nhiệm chuyên môn khoa Nội -Nhi; KBCB CK Nội Nhi, đa khoa, YHGĐ; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Điện tâm đồ.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
46	Nguyễn Thị Cẩm	0003521/TG-CCHN; 1745/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Phó trưởng khoa khoa Nội -Nhi; Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội tổng hợp, đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
47	Lê Thuận Nhân	004128/TG-CCHN;1784/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Đọc phim Xquang.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Phó trưởng khoa Nội Nhi; KBCB chuyên khoa Nội tổng hợp, Đa khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Thực hiện Đọc phim Xquang.		
48	Trần Phương Nhuận	005657/TG-CCHN;57/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - HSCC cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa Nội -Nhi; KBCB đa khoa; Nhi khoa; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
49	Lê Quang Khanh	004693/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Thực hành Chuyên khoa Ngoại tổng quát.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa Nội Nhi; KBCB đa khoa, CK Ngoại tổng quát.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
50	Nguyễn Thị Kim Thy	001082/TG-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa Nội Nhi; KBCB đa khoa.		
51	Phan Thị Mỹ Tiên	001083/TG-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên Khoa Nội Nhi; KBCB đa khoa.		
52	Đỗ Thị Kim Chi	0003674/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD; Điều dưỡng trưởng khoa Nội -Nhi.		
53	Trương Thị Lôi	006495/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNĐD; Điều dưỡng viên khoa Nội -Nhi.		
54	Nguyễn Thị Giàu	0003675/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐD; Điều dưỡng viên khoa Nội -Nhi.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
55	Lê Thị Hồng Thắm	005941/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐDD; Điều dưỡng viên khoa Nội -Nhi.		
56	Võ Thị Ngọc Châu	0003719/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Điều dưỡng viên khoa Nội -Nhi.		
57	Lưu Thị Mỹ Viên	005739/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS; Điều dưỡng viên khoa Nội -Nhi.		
58	Cao Hoàng An	000713/TG-GPHN	Đa khoa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, nhân viên khoa Nội Nhi; Thực hiện chức năng điều dưỡng.		
59	Phạm Thị Tuyết	000420/TG-CCHN	- Khám chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản-KHHGĐ;	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Trưởng Khoa Phụ sản; Phụ trách khoa Phụ sản; KBCB chuyên		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			- Siêu âm tổng quát; - Siêu âm sản phụ khoa.		khoa Phụ sản; Thực hiện Siêu âm tổng quát, Siêu âm sản phụ khoa.		
60	Ngô Ngọc Loan	000090/TG-CCHN;1772/QĐ-SYT;543/QĐ-SYT;1667/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, phụ khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa YHGD. -Điện tâm đồ; Siêu âm bụng tổng quát; siêu âm sản phụ khoa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Phó trưởng Khoa Phụ sản; Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội tổng hợp, đa khoa, Sản-Phụ khoa, YHGD; Thực hiện Siêu âm bụng tổng quát, Siêu âm sản phụ khoa, Điện tâm đồ.		
61	Phạm Thị Kiều Tiên	0004084/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Cử nhân điều dưỡng Phụ Sản; NHS trưởng khoa Phụ sản.		
62	Trương Thị Thùy Trang	002286/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Cử nhân điều dưỡng Phụ Sản; Nhân viên khoa Phụ sản.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
63	Hồ Thị Cẩm Nguyên	0003757/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Cao đẳng Hộ sinh; Nhân viên khoa Phụ sản.		
64	Nguyễn Thị Bích Ngân	0003629/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Cao đẳng Hộ sinh; Nhân viên khoa Phụ sản.		
65	Hà Thụy Loan Anh	0003673/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; - Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng; - Siêu âm bụng tổng quát.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI; Trưởng khoa YHCT-PHCN; Phụ trách khoa YHCT-PHCN; KBCB YHCT; Thực hiện Vật lý trị liệu- phục hồi chức năng, Siêu âm bụng tổng quát.		
66	Trần Thị Ngọc Thanh	005863/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. - Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa YHCT-PHCN; KBCB YHCT; Thực hiện Vật lý trị liệu- phục hồi chức năng.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
67	Nguyễn Lê Anh Duy	000577/TG-GPHN	Chuyên khoa Y học cổ truyền	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa YHCT-PHCN; KBCB YHCT.		
68	Võ Hoàng Nhân	000802/TG-GPHN	Chuyên khoa Y học cổ truyền	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa YHCT-PHCN; KBCB YHCT.		
69	Nguyễn Thị Hoa Hồng Nhung	002241/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD, Điều dưỡng trưởng khoa YHCT-PHCN.		
70	Trần Thị Phương Tuyền	0003687/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng- Thực hiện KT VLTL, PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên khoa YHCT-PHCN.		
71	Mai Xuân Khoa	005076/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, Nhân viên khoa YHCT-PHCN.		
72	Lăng Thị Thu Thắm	001554/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, Nhân viên khoa YHCT-PHCN; Thực hiện Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			chức danh nghề nghiệp ĐD, HS; KTY-PHCN.				
73	Trần Công Bằng	000404/TG-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm; Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh; sinh hóa; huyết học.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNCNSH; Phó trưởng khoa Xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnh; Phụ trách khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh; Thực hiện kỹ thuật CK Xét nghiệm, kỹ thuật xét nghiệm vi sinh; sinh hóa; huyết học.		
74	Lê Tân Bảy	000072/TG-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNXN; Phó trưởng khoa Xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnhThực hiện kỹ thuật CK xét nghiệm.		
75	Phạm Thị Thanh Trúc	004853/TG-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNXNYH; Nhân viên khoa Xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnh; Thực hiện kỹ thuật CK xét nghiệm.		
76	Bùi Thị Ngọc Tuyền	056879/HCM-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNXN; Nhân viên khoa Xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnh; Thực hiện kỹ thuật CK xét nghiệm.		
77	Nguyễn Trọng Nghĩa	000725/TG-GPHN	Xét nghiệm y học	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNXNYH; Nhân viên khoa Xét nghiệm-chẩn		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
					đoán hình ảnh; Thực hiện kỹ thuật CK xét nghiệm.		
78	Phan Đình Minh Hải	1205/TG-CCHND	- Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT; - Xét nghiệm cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSDH, nhân viên khoa Xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnh; Thực hiện kỹ thuật Xét nghiệm cơ bản.		
79	Võ Tấn Phúc	0003634/TG-CCHN;1790/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tổng quát; - Siêu âm tổng quát; Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh; Tăng cường KBCB CK Nội tổng hợp, Đa khoa, CK Ngoại tổng quát khoa Khám bệnh; Thực hiện Siêu âm tổng quát; Điện tâm đồ.		
80	Nguyễn Nhật Minh	006001/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Siêu âm tổng quát; - Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Nhân viên khoa Xét nghiệm-CDHA; KBCB đa khoa; Thực hiện Siêu âm tổng quát, CK Chẩn đoán hình ảnh.		
81	Trần Võ Hàn Phong	002279/TG-CCHN;1792/QĐ-SYT	- Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNDD; KTV trưởng khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh; Thực		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY. - Kỹ thuật chụp Xquang cơ bản. - Bó bột.		hiện Chụp Xquang cơ bản, Bó bột.		
82	Huỳnh Ngọc Sang	0002283/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng-chụp Xquang cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, nhân viên khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh; Thực hiện Chụp Xquang cơ bản.		
83	Nguyễn Văn Thê	0003782/TG-CCHN;642/QĐ-SYT	- Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; - Thực hiện các kỹ thuật chụp Xquang cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH; Nhân viên khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh; Thực hiện Chụp Xquang cơ bản.		
84	Huỳnh Thị Trúc Giang	1157/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, người phụ trách công tác dược lâm	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSDH; Nhân viên khoa Dược.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.				
85	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	872/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSDH; Nhân viên khoa Dược.		
86	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	67/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSTH; Nhân viên khoa Dược.		
87	Huỳnh Tấn Kim Thịnh	1079/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ; Nhân viên khoa Dược.		
88	Phan Thị Thu Tâm	507/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSTH; Nhân viên khoa Dược.		
89	Võ Thị Minh Thơ	1663/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ; Nhân viên khoa Dược.		
90	Phạm Thị Thu Nguyệt	808//TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSTH; Nhân viên khoa Dược.		
91	Nguyễn Thị Kiều Oanh	0003632/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, Trưởng trạm TYT Bình Nhì; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Bình Nhì; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
92	Trần Khánh Phương	0003838/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSCĐ, Phó trưởng TYT Bình Nhì; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			các ngạch viên chức hộ sinh.				
93	Trần Thị Thanh	0003645/TG-CCHN;1803/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, nhân viên TYT Bình Nhì; KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
94	Lê Thị Kim Ngân	002793/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ YHCT, nhân viên TYT Bình Nhì; KBCB bằng YHCT tại TYT.		
95	Nguyễn Thành Nhân	006286/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, nhân viên TYT Bình Nhì; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			- Khám bệnh, chữa bệnh Lao.				
96	Huỳnh Nguyễn Duy Đoan	000459/TG-GPHN	Đa khoa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, nhân viên TYT Bình Nhì; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.		
97	Ngô Thị Cẩm Tú	1765/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, nhân viên TYT Bình Nhì; chịu trách nhiệm chuyên môn về được của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
98	Đặng Thị Hằng	004646/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Phó trưởng TYT Bình Phú, KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
99	Hồ Trần Hữu Thọ	000569/TG-CCHN;1805/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; nhân viên TYT Bình Phú; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Bình Phú; KBCB CK Nội tổng hợp, đa khoa tại		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
					TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
100	Nguyễn Đặng Anh Tuấn	005218/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS,BSYHDP,YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, nhân viên TYT Bình Phú; KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
101	Nguyễn Thị Cẩm Thanh	450/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, nhân viên TYT Bình Phú; Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
102	Lê Thị Mộng Tuyền	0003314/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDCĐ, Điều dưỡng viên TYT Bình Phú.		
103	Nguyễn Thị Kim Ngân	005974/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDCĐ, Điều dưỡng viên TYT Bình Phú.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.				
104	Trần Thị Kim Liên	001007/TG-GPHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSCĐ; Nhân viên TYT xã Bình Phú; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
105	Trần Thị Kim Liên	0003746/TG-CCHN;1770/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Trưởng TYT Bình Tân; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Bình Tân; KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao..		
106	Quách Thị Bảo Trân	003789/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	0700-1700 T2T3T4T5T6	CNĐDCNHS, Phó Trưởng TYT Bình Tân; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.				
107	Phạm Loan Trinh	1742/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.Xét nghiệm cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSTH, nhân viên TYT Bình Tân, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
108	Phạm Thị Tú Trinh	0003844/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Bình Tân; KBCB đa khoa tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
109	Nguyễn Thị Kim Thoa	005143/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS, KCB Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Bình Tân; KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
110	Nguyễn Lê Anh Khoa	004695/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Bình Tân; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.				
111	Nguyễn Văn Thành	000399/TG-GPHN;1674/QĐ-SYT	- Y khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học gia đình; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Trưởng TYT xã Đồng Sơn; KBCB đa khoa, YHGD; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
112	Lâm Nguyệt Thanh	0003647/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Đồng Sơn; KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
113	Hồ Thanh Sang	003638/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT;Châm cứu-VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS YHCT, Phó trưởng TYT Đồng Sơn; KBCB YHCT; Thực hiện châm cứu, VLTL-PHCN tại TYT.		
114	Lê Thị Tuyết Liễu	0003625/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHS, nhân viên TYT Đồng Sơn; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
115	Nguyễn Thị Huế Thanh	0003643/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên TYT Đồng Sơn.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.				
116	Trần Thị Ngọc Linh	2498/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSTH, nhân viên TYT Đồng Sơn, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
117	Bùi Thị Thanh Nga	004364/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Đồng Sơn, khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
118	Nguyễn Đại Phát	005231/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT, nhân viên TYT Đồng Sơn, khám bệnh, chữa bệnh YHCT tại TYT.		
119	Nguyễn Văn Tú	000852/TG-GPHN	Đa khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT xã Đồng Sơn; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
120	Nguyễn Thị Kim Vàng	003800/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Châm cứu - VLTL-PHCN. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ YHCT, Phó trưởng TYT Đồng Thạnh; Thực hiện Châm cứu - VLTL-PHCN; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao..		
121	Trần Thị Tuyết Liễu	0003622/TG-CCHN;1771/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BHYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS,BSYHDP,YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Đồng Thạnh; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
122	Nguyễn Trường Giang	0003811/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại trạm y tế; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Đồng Thạnh; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Đồng Thạnh; KBCB tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
123	Trần Thị Thủy Tiên	005414/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ; Nhân viên trạm Y tế xã Đồng Thạnh; Khám chữa bệnh thông thường tại TYT.		
124	Nguyễn Thị Hồng Thủy	0003656/TG-CCHN;1808/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Trưởng TYT Long Bình; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Long Bình; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
125	Nguyễn Thị Bích Tuyền	005027/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ, nhân viên TYT Long Bình; KBCB tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.				
126	Mai Thúc Loan	0003748/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHS CĐ, nhân viên TYT Long Bình; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
127	Nguyễn Thị Phương Em	0003621/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHS CĐ, nhân viên TYT Long Bình; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
128	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1692/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, nhân viên TYT Long Bình, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
129	Phạm Phương Duy	005686/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Long Bình; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.				
130	Võ Thị Xuân Liễu	006611/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Long Bình; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao..		
131	Phan Thị Trúc Ly	0003750/TG-CCHN;1775/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Trưởng TYT Long Vĩnh; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Long Vĩnh; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
132	Nguyễn Thị Như Ngọc	0003756/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, châm cứu-VLTL-PHCN. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT, nhân viên TYT Long Vĩnh; Khám bệnh, chữa bệnh YHCT tại TYT; Thực hiện Châm cứu-VLTL-PHCN; Hướng dẫn		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
					chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao..		
133	Trần Quan Sang	1448/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, nhân viên TYT Long Vĩnh, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
134	Nguyễn Lý Thị Hoài Phương	0003483/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ; Nhân viên TYT Long Vĩnh; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
135	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	000069/TG-GPHN	Đa khoa.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ; Nhân viên trạm y tế xã Long Vĩnh; Khám chữa bệnh đa khoa tại TYT.		
136	Lê Văn Ngoan	0003831/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên TYT Long Vĩnh.		
137	Huỳnh Thị Trinh	000688/TG-CCHN;1810/QĐ-SYT;1668/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên YHGĐ; - Chuyên khoa Tâm thần	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS, Trưởng TYT Thành Công; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Thành Công; KBCB CK Nội tổng hợp, Đa khoa tại TYT; Hướng dẫn chẩn		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			(Chứng nhận 3 tháng); - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; Điện tâm đồ.		đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Điện tâm đồ; YHGD .		
138	Nguyễn Thị Kim Đính	0003600/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSCĐ, Phó trưởng TYT Thành Công; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
139	Huỳnh Thanh Tuyền	0003668/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng, YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6	CĐĐĐ, nhân viên TYT Thành Công; Chứng chỉ YHGD.		
140	Nguyễn Thị Cẩm Tú	2556/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc, tử thuốc TYT xã, YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, nhân viên TYT Thành Công, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tử thuốc TYT xã; Chứng chỉ YHGD.		
141	Lê Thị Ánh Hường	005529/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Thành Công; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.				
142	Lê Thị Thủy	0003317/TG-CCHN;1807/QĐ-SYT;1661/QĐ-SYT;2065/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI, Trưởng TYT Thanh Nhựt; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Thanh Nhựt; Khám chữa bệnh CK Nội tổng hợp, CK Nhi, Đa khoa tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; YHGĐ; Điện tâm đồ.		
143	Trần Đỗ Ngọc Diễm	0003599/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSTH, nhân viên TYT Thanh Nhựt; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
144	Ngô Hồng Cẩn	0003593/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; YHGĐ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên TYT Thanh Nhựt; Chứng chỉ YHGĐ.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
145	Trần Thị Thu Hồng	0003613/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT; Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Thanh Nhựt; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
146	Lê Thị Cẩm Vân	004340/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Thanh Nhựt; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
147	Lê Thị Vui	1700/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, nhân viên TYT Thanh Nhựt; Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
148	Lê Thị Mỹ Nhân	005715/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; - VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT, nhân viên TYT Thanh Nhựt; Khám bệnh, chữa bệnh YHCT tại TYT; Thực hiện kỹ thuật VLTL-PHCN.		
149	Huỳnh Văn Riếp	000704/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Trưởng TYT Thanh Trị, Khám bệnh,		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;		chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
150	Võ Huỳnh Nguyệt Thu	0003651/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Phó trưởng TYT Thạnh Trị.		
151	Mai Huyền Trân	003661/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; - Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	Bác sĩ YHCT; Nhân viên TYT Thạnh Trị; KBCB YHCT; Thực hiện Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.		
152	Lê Thị Tuyền	0003667/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSTH, nhân viên TYT Thạnh Trị; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
153	Lê Trần Công Tiến	004377/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Thạnh Trị; Người phụ		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;		trách chuyên môn kỹ thuật TYT Thanh Trì; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
154	Cao Văn Chính	2222/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSTH, nhân viên TYT Thanh Trì, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT.		
155	Nguyễn Hữu Nhân	0003761/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Trưởng TYT TT Vĩnh Bình; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT TT Vĩnh Bình; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
156	Nguyễn Thị Diễm Thúy	231/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, Phó Trưởng TYT TT Vĩnh Bình; Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc TYT.		
157	Phan Thị Cẩm Tú	0003665/TG-CCHN	- KB, CB bằng YHCT; Chăm cứu-VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT, nhân viên TYT TT Vĩnh Bình, khám chữa bệnh		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
			- Khám bệnh, chữa bệnh Lao.		YHCT; Thực hiện Châm cứu-VLTL-PHCN tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
158	Nguyễn Hải My	005335/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT TT Vĩnh Bình; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		
159	Lê Thị Ngọc Chi	0003720/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSTH, Nhân viên TYT TT Vĩnh Bình; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
160	Phạm Thị Ánh Duyên	0003415/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên TYT TT Vĩnh Bình; Thực hiện chức năng điều dưỡng tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
161	Ngô Thiện Nhân	000213/TG-CCHN;1783/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tổng quát; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao. - Siêu âm tổng quát; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI, Trưởng TYT Vĩnh Hựu; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Vĩnh Hựu; KBCB CK Nội tổng hợp, Nhi khoa, Ngoại tổng quát, đa khoa tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao; Thực hiện Siêu âm tổng quát; Điện tâm đồ.		
162	Nguyễn Xuân Dung	0003725/TG-CCHN;1753/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Nhân viên TYT Vĩnh Hựu; khám bệnh, chữa bệnh tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
163	Nguyễn Thị Thu Mộng	004298/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, nhân viên TYT Vĩnh Hựu; Khám bệnh chữa bệnh tại TYT.		
164	Võ Thị Cẩm Tuyền	1465/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSDH, nhân viên TYT Vĩnh Hựu; Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc TYT.		
165	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0003755/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6	NHSTH, nhân viên TYT Vĩnh Hựu; Khám phụ sản và sơ sinh tại TYT.		
166	Trần Thị Mộng Thêm	0003783/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên TYT Vĩnh Hựu.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
167	Huỳnh Yến Nhi	004533/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; - VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT, nhân viên TYT Vĩnh Hựu; Khám bệnh, chữa bệnh YHCT; Thực hiện VLTL-PHCN tại TYT.		
168	Lê Thị Ngọc Hân	001000/TG-GPHN	Đa khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSDK, Nhân viên TYT Vĩnh Hựu; khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.		
169	Trần Văn Hạnh	0003734/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YS, Trưởng TYT Yên Luông; Người phụ trách chuyên môn kỹ thuật TYT Yên Luông; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
170	Bùi Lê Minh Sang	0003546/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Châm cứu, VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT, Phó Trưởng TYT Yên Luông; Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, Thực hiện Châm cứu, VLTL-PHCN tại TYT.		
171	Phan Văn Lụa	0003040/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa YHCT, YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	BS CKI, nhân viên TYT Yên Luông; Khám bệnh, chữa bệnh YHCT -YHGĐ tại TYT; Hướng dẫn chẩn đoán,		

